

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2026/HS-ST

Ngày: 21/4/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Thanh Nhân và Ngô Thị Ái Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Huế tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thùy T**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01/4/2007 tại thành phố H; giới tính: Nữ; số căn cước: 075307023794; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Kiệt A L (Tổ F), phường T, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1984 và bà Võ Thị Nguyên T1, sinh năm 1986; chồng, con: Chưa có. Gia đình có hai chị em, bị cáo là con đầu. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Hải T2**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 04/4/2006 tại thành phố H; giới tính: Nam; số CCCD: 046206004254 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2021; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: D N, phường P, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hải L, sinh năm 1955 và bà Hồ Thị L1, sinh năm 1966; vợ, con: Chưa có. Gia đình có hai anh em, bị cáo là con út. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam trong 1 vụ án khác tại Phân trại tạm giam H- Cơ sở 2. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Võ Thị Nguyên T1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ F, phường T, thành phố H. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Việt L2, sinh năm 1998.

Địa chỉ: 2 P, phường P, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 26/7/2025, sau khi chơi game tại đường X, phường T, thành phố H xong thì Nguyễn Thùy T cùng bạn trai là Nguyễn Hải T2 đến thuê phòng của nhà nghỉ ở đường T, phường T, thành phố H để ngủ. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, do T nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại di động của mẹ T là chị Võ Thị Nguyên T1, sinh năm: 1986, trú tại: Tổ F, phường T, thành phố H để sử dụng nên T dậy và đi một mình đến tiệm uốn tóc của chị T1, tại G L, phường T, thành phố H. Tại tiệm uốn tóc của chị T1, lợi dụng lúc chị T1 không để ý nên T lén lút lấy trộm 01 (một) điện thoại di động Iphone 14 Promax, màu vàng kem của chị T1 rồi bỏ chạy về nhà nghỉ mà T và T2 thuê trước đó. Gặp T2 thì T nói cho T2 biết là T mới lấy trộm điện thoại di động Iphone 14 Promax, màu vàng kem của chị T1 và T đưa cho T2 xem điện thoại di động mà T mới lấy trộm của chị T1, do điện thoại không mở được mật khẩu nên T2 và T cùng bàn bạc, đồng ý đưa máy đi đến tiệm mở mật khẩu rồi để T sử dụng, khi nào T về nhà sẽ trả lại điện thoại cho chị T1. Sau đó, T và T2 cùng nhau đưa máy điện thoại do T mới lấy trộm của chị T1 đến tiệm sửa chữa điện thoại tại A P, phường P, thành phố H do anh Trần Việt L2 (sinh năm: 1998, trú tại: 2 P, phường P, thành phố H) làm chủ để mở mật khẩu, sau khi L2 nhận máy và hẹn T và T2 đến ngày 27/7/2025 mới có kết quả. Lúc này, do T và T2 không có tiền chi tiêu cá nhân nên cả hai đã mượn L2 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để chi tiêu, ăn uống, L2 đồng ý và đã đưa cho T và T2 mượn số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Đến trưa ngày 27/07/2025, T cùng T2 đến lại tiệm sửa chữa điện thoại của L2, L2 nói là điện thoại chưa mở được mật khẩu, lúc này T, T2 cùng nhau thỏa thuận, bàn bạc và đồng ý bán điện thoại đó cho L2, sau khi thỏa thuận và L2 đồng ý mua điện thoại này với giá là: 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), L2 đưa cho T và T2 số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) do đã trừ đi số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) mà trước đó L2 đã đưa cho T và T2 mượn. Sau khi bán điện thoại cho L2 xong, T và T2 tiêu xài chung hết số tiền trên.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thùy T và Nguyễn Hải T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, các vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) điện thoại Iphone 14 Promax, màu vàng kem, số IMEI: 352192208251578.

- 01 (một) vỏ nhựa ốp điện thoại màu trắng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 240/KL-HĐĐGTS ngày 24/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố H kết luận:

- 01 vỏ ốp điện thoại di động bằng nhựa màu trắng, tại thời điểm định giá ngày

26/7/2025 có giá trị 0 đồng; - 01 điện thoại Iphone 14 Promax, màu vàng kem, đã qua sử dụng tại thời điểm định giá ngày 26/7/2025, có giá trị là: 17.230.000 đồng (Mười bảy triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 128/CT-VKSKV1 ngày 09/3/2026, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Huế đã truy tố Nguyễn Thùy T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Hải T2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Huế giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thùy T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 18 đến 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành bản án này.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Hải T2 từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Ngày 02/12/2025, Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại Iphone 14 Promax, màu vàng kem và 01 (một) vỏ nhựa ốp điện thoại màu trắng cho chủ sở hữu là chị Võ Thị Nguyên T1 nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Võ Thị Nguyên T1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì. Anh Trần Việt L2 đã nhận số tiền 6.500.000 đồng do gia đình của Nguyễn Thùy T và gia đình Nguyễn Hải T2 bồi thường và không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTYQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Nguyễn Thùy T và Nguyễn Hải T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thùy T thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản và bị cáo Nguyễn Hải T2 thừa nhận hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có như Cáo trạng đã truy tố; các bị cáo không tranh luận với nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Nguyễn Thùy T đã ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo Nguyễn Hải T2 biết hành vi của mình là không đúng và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu

nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cũng như các quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Huế trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

Về thủ tục tố tụng, tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trong quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng. Sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thùy T và Nguyễn Hải T2 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời trình bày của bị cáo, đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 26/7/2025, tại G L, phường T, thành phố H; Nguyễn Thùy T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 (một) điện thoại Iphone 14 Promax, màu vàng kem của chị Võ Thị Nguyên T1, trị giá: 17.230.000 đồng. Nguyễn Hải T2 biết rõ điện thoại di động Iphone 14 Promax là do Nguyễn Thùy T trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý cùng nhau đi tiêu thụ, bán điện thoại để lấy tiền và cùng nhau tiêu xài cá nhân.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Huế truy tố bị cáo Nguyễn Thùy T theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Hải T2 theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Thùy T và Nguyễn Hải T2 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo T nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do tham lam, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bị cáo Nguyễn Hải T2 mặc dù biết tài sản do bị cáo T lấy trộm nhưng không khuyên ngăn, trái lại còn cùng với bị cáo T đi bán tài sản trộm được và lấy tiền để tiêu xài cá nhân. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Thùy T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Hải T2 đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự địa phương.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:
Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thùy T và Nguyễn Hải T2 có nhân thân tốt.

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Nguyễn Thùy T và Nguyễn Hải T2 đã thành khẩn khai báo; bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và tại phiên tòa, bị hại bà Võ Thị Nguyên T1 có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo Nguyễn Thùy T và Nguyễn Hải T2 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: Sau khi xem xét nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, có khả năng tự cải tạo, giáo dục ngoài xã hội và việc cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo T được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; vừa đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung, vừa thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Đảng và Nhà nước, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với bị cáo T2 mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng trong thời gian chờ xét xử bị cáo phạm tội mới và đã bị tạm giam trong vụ án khác do đó cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đủ tác dụng răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với các vật chứng: 01 (một) điện thoại Iphone 14 Promax, màu vàng kem, số IMEI: 352192208251578 và 01 (một) vỏ nhựa ốp điện thoại màu trắng đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Võ Thị Nguyên T1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chị Võ Thị Nguyên T1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì. Anh Trần Việt L2 đã nhận số tiền 6.500.000 đồng do gia đình của Nguyễn Thùy T và gia đình Nguyễn Hải T2 bồi thường và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thùy T và Nguyễn Hải T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Thùy T phạm tội : “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Nguyễn Hải T2 phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thùy T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 21/4/2026.

Giao bị cáo Nguyễn Thùy T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Nếu người được hưởng án treo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải T2 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành bản án này.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo Nguyễn Thùy T và Nguyễn Hải T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thùy T; bị cáo Nguyễn Hải T2; bị hại bà Võ Thị Nguyên T1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Phòng HSNV Công an TP. Huế;
- VKSND Khu vực 1 – Huế;
- CQCSĐT Công an thành phố Huế;
- Trại tạm giam Công an thành phố Huế;
- Phân trại tạm giam Hương Thủy- Cơ sở 2;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 1 – Huế;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; AV.

Nguyễn Thị Thúy Hồng